

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số:258 /QĐ-CNTM ngày 12/5/2021
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại)

Tên ngành, nghề: Công nghệ kỹ thuật Cơ khí

Mã ngành, nghề: 5510201

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình khung trung cấp chuyên nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí được thiết kế để đào tạo kỹ thuật viên trình độ trung cấp chuyên nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí. Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng tìm việc làm, đồng thời có khả năng học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Chương trình bao gồm những nội dung cơ bản về vẽ kỹ thuật, vẽ và thiết kế trên máy tính, an toàn và môi trường công nghiệp, vật liệu cơ khí, cơ học, sức bền vật liệu. Người học cũng được trang bị những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, ngoại ngữ, giáo dục thể chất, chính trị, pháp luật, quốc phòng-an ninh. Kết thúc khóa học người học được cấp bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kiến thức

- Trình bày và phân tích được những nội dung cơ bản về: An toàn và môi trường công nghiệp, Tổ chức sản xuất, Hình họa - Vẽ kỹ thuật, Vật liệu cơ khí, Sức bền vật liệu, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử, nguyên lý - chi tiết máy, Máy công cụ, Công nghệ chế tạo máy, Công nghệ CNC.

- Lập được quy trình công nghệ chế tạo và sửa chữa các chi tiết cơ khí.

- Áp dụng được những kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn đã học để phân tích, đánh giá, thực hiện các công việc liên quan tới Công nghệ kỹ thuật cơ khí.

b. Về kỹ năng

Kỹ thuật viên Công nghệ kỹ thuật cơ khí trình độ trung cấp chuyên nghiệp có khả năng:

- Vận hành được các thiết bị cơ khí, thiết kế, chế tạo chi tiết máy ở mức độ đơn giản.

- Đảm nhiệm được các công việc về bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị cơ khí.

- Tổ chức lập kế hoạch quản lý một tổ, đội sản xuất.

- Cập nhật kiến thức nâng cao trình độ phù hợp với yêu cầu công việc.

- Làm việc tại các cơ sở sản xuất chế tạo, sửa chữa, kinh doanh thuộc lĩnh vực cơ khí.

c. Thái độ nghề nghiệp

- Người tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp cao, yêu lao động, yêu ngành yêu nghề, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp với đồng nghiệp.

- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù chịu khó và sáng tạo trong công việc. Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học trở thành kỹ thuật viên công nghệ kỹ thuật cơ khí trình độ trung cấp chuyên nghiệp, có khả năng thực hiện được nhiệm vụ như: vận hành được các thiết bị cơ khí; thiết kế chế tạo chi tiết máy ở mức độ đơn giản; có thể làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, chế tạo, sửa chữa thuộc lĩnh vực cơ khí.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 23
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 61 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 210 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1380 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 539 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1019 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Số bài KT
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	
I	Các môn học chung	10	255	94	148	13
MH 01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	1	45	15	29	1
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	3	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	35	660	441	219	35
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	18	315	205	110	18
MH 07	An toàn lao động và môi trường công nghiệp	2	30	26	4	2
MH 08	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	3	60	30	30	3
MH 09	Vật liệu cơ khí	2	30	27	3	2
MH 10	Cơ ứng dụng	2	30	27	3	2
MH 11	Dung sai và Kỹ thuật đo	3	60	30	30	3
MH 12	AutoCAD	2	45	15	30	2
MH 13	Nguyên lý - chi tiết máy	4	60	50	10	4

II.2	<i>Môn học, mô đun chuyên môn</i>	17	345	236	109	17
MH 14	Máy công cụ	3	60	50	10	3
MH 15	Công nghệ chế tạo máy	4	75	65	10	4
MH 16	Đồ gá	2	30	28	2	2
MH 17	Công nghệ CNC	2	45	15	30	2
MH 18	Nguyên lý cắt kim loại	3	60	50	10	3
MH 19	Kỹ thuật sửa chữa	2	30	28	2	2
MĐ20	Thực tập bảo dưỡng TB công nghiệp	1	45	0	45	1
III	<i>Mô đun thực tập</i>	16	720	0	720	9
MĐ 21	Thực tập cơ bản (4)	4	180	0	180	3
MĐ 22	Thực tập chuyên ngành (6T)	6	270	0	270	3
MĐ 23	Thực tập tốt nghiệp (6T)	6	270	0	270	3
Tổng cộng		61	1590	539	1051	107

4. Thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	90 phút
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết	120 phút
3	Thực hành nghề nghiệp	Bài thi thực hành	3 giờ